

Bản án số: 1062/2019/HNGĐ-PT
Ngày: 20/11/2019
“V/v tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Phan Thị Minh Nguyệt

Các Thẩm phán: 1/ Ông Nguyễn Văn Tuấn

2/ Ông Phan Trịnh Minh Đức

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân- Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Võ Phạm P Hạnh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 24 tháng 10 năm 2019 và ngày 20 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 91/2019/TLPT-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 352/2019/HNGĐ-ST ngày 02 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận A, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4345/2019/QĐ-PT ngày 24 tháng 9 năm 2019 và quyết định tạm ngừng phiên tòa số 8785/2019/QĐPT-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Lê Lư Đăng K**, sinh năm: 1978

Địa chỉ: 040 lô Y chung cư N, Phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Tầng 4, khu phức hợp C, số 1 đường S, phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà **Trần Thị Minh P**, sinh năm: 1981

Địa chỉ: 040 lô Y chung cư V, Phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Đều có mặt)

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Lê Lư Đăng K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Lê Lu Đăng K trình bày:

Ông và bà Trần Thị Minh P tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 187, quyển số 01/2004 do Ủy ban nhân dân Phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/12/2004. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ lâu do bất đồng quan điểm sống, không còn hòa hợp nữa, vợ chồng không thương yêu, chăm sóc, đôi bên thường xuyên cãi nhau. Nay mâu thuẫn không còn khả năng hàn gắn được, vì vậy ông yêu cầu cho ly hôn với bà P. Tại phiên tòa sơ thẩm ông K trình bày: Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ tháng 10/2018 đến nay do cơ quan ông thay đổi địa điểm làm việc, ông đi làm cách nhà 10km, từ 09 giờ sáng đến 18 giờ ông mới về nhà nên không có thời gian để đưa đón con đi học, phụ vợ việc gia đình đồng thời do thời gian trước đó ông không có việc làm ổn định, công việc thu nhập thấp, không lo được cho vợ con nên bà P không còn tôn trọng ông, quản lý ông, mặc dù từ khi kết hôn đến nay ông và bà P vẫn chung sống trong cùng một căn nhà nhưng ông không còn thương yêu bà P nữa, đề nghị cho ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống có 02 con chung là Lê Đăng K! sinh ngày 02/02/2006 và Lê Minh K2 sinh ngày 11/7/2012, ông yêu cầu giao con chung là Lê Đăng K1 sinh ngày 02/02/2006 cho ông trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giao con chung Lê Minh K2 sinh ngày 11/7/2012 cho bà P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con thì ông không cấp dưỡng nuôi con. Nếu bà P yêu cầu giao 02 con chung cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng thì ông đồng ý và cấp dưỡng nuôi 2 con, mỗi trẻ 4 triệu đồng/tháng.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn bà Trần Thị Minh P trình bày tại các bản tự khai và phiên tòa sơ thẩm: Bà xác định quá trình chung sống và kết hôn đúng như ông K trình bày. Tuy nhiên, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cãi vã không trầm trọng, chỉ là những mâu thuẫn nhỏ, bản thân bà vẫn còn tình cảm, thương chồng, con; vì vậy bà không đồng ý ly hôn với ông K. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn ông K trình bày chỉ là mâu thuẫn nhỏ, không đáng để ly hôn, bà vẫn thương yêu và lo cho chồng con, không sai phạm gì, vẫn làm tròn bổn phận của người vợ, người mẹ, vì vậy bà không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung là Lê Đăng K1, sinh ngày 02/02/2016 và Lê Minh K2, sinh ngày 11/7/2012. Nếu trường hợp Tòa án cho ly hôn thì bà yêu cầu giao 02 con chung cho bà trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và đồng ý ông K cấp dưỡng nuôi 02 con, mỗi trẻ 4 triệu đồng/tháng.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 352/2019/HNGĐ-ST ngày 02 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận A, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Áp dụng Khoản 1 Điều 28 ; điểm a Khoản 1 Điều 35 ; điểm a Khoản 1 Điều 39 ; Điều 147 ; Điều 266 ; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự ;

Áp dụng Điều 56, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình ;

Áp dụng điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử :

Không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Lê Lư Đăng K.

2. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình : Ông Lê Lư Đăng K chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2018/0016734 ngày 12/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông K đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ông Lê Lư Đăng K và bà Trần Thị Minh P có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Ngày 04/7/2019, ông Lê Lư Đăng K kháng cáo đối với bản án sơ thẩm số 352/2019/HNGĐ-ST ngày 02/7/2019 của Tòa án nhân dân quận A, Thành phố Hồ Chí Minh với nội dung: Bà P thường xuyên bạo lực tinh thần ông, bà P có tính hay ghen tuông mù quáng, mâu thuẫn vợ chồng ông vô cùng nghiêm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm ngày 02/7/2019 do Thẩm phán Từ Thị Minh Tú làm chủ tọa. Tuyên xử cho ông được ly hôn với bà Trần Thị Minh P

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Lê Lư Đăng K trình bày: Đề nghị Tòa giải quyết cho ly hôn với bà P vì ông không còn tình cảm với bà P, bà P và ông đã ly thân từ tháng 8/2018 cho đến nay. Nếu ly hôn, ông sẽ để lại nhà cho bà P ở với các con, còn ông sẽ thuê nhà để ở nên cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/1 trẻ/1 tháng.

Bị đơn bà Trần Thị Minh P trình bày: Bà vẫn còn thương yêu chồng con, hiện tại vợ chồng chung sống tài chính đủ để hai vợ chồng trang trải, còn phải được sự trợ cấp của ông bà nội. Nếu ly hôn, ông K cấp dưỡng 3.000.000 đồng/1 trẻ/1 tháng thì bà sẽ chuyển trường cho con phù hợp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán chủ tọa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về “Nguyên tắc xét xử, thành phần hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên trong hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa; Phạm vi xét xử phúc thẩm” tại phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung vụ án: Đề nghị bác yêu cầu kháng cáo của ông Lê Lư Đăng K, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo ngày 04 tháng 7 năm 2019 của ông Lê Lư Đăng K nộp trong thời hạn luật định và đã đóng tạm ứng án phí phúc thẩm ngày 10/7/2019, là phù hợp với quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên đơn kháng cáo được chấp nhận.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Lư Đăng K, Hội đồng xét xử nhận thấy:

2.1. Quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 187 quyển số 01/2004 do Ủy ban nhân dân Phường B, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/12/2004 thì quan hệ hôn nhân giữa ông Lê Lư Đăng K và bà Trần Thị Minh P là hôn nhân hợp pháp.

Ông K kháng cáo yêu cầu giải quyết cho ông được ly hôn với bà P lý do bị bạo hành tinh thần, bà P ghen tuông vô cớ, quản lý thời gian ông, bà P cho rằng từ khi ông K nộp đơn xin ly hôn bà đã cố gắng thay đổi rất nhiều, bà đã không còn thái độ lớn tiếng, gắt gỏng và luôn chăm lo cho ông K và con chung.

Xét thấy, tình cảm vợ chồng của ông K bà P đã gắn bó nhau từ năm 2004 đến nay là hơn 10 năm chung sống, quá trình chung sống đã có thời gian hạnh phúc bên nhau, có 02 con chung hiện nay còn rất nhỏ cũng được sự tài trợ tài chính bên gia đình nhà nội; chỗ ở hiện tại cũng là do bên gia đình chồng cho bà P và các con ở. Mặt khác tại công văn số 295/UBND-TP về việc trả lời kết quả xác minh tình trạng mâu thuẫn trong gia đình ngày 06 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Phường B, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh: “Gia đình ông K và bà P xảy ra mâu thuẫn từ tháng 8/2018 nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ do cơ quan của ông K thay đổi địa điểm nên ông K đi từ sáng đến tối, không thể phụ vợ đưa

đón con và công việc gia đình. Ông K không muốn bị ràng buộc, không muốn bị vợ quản thúc. Về phía bà P nhất quyết không đồng ý ly hôn, cố gắng giữ hạnh phúc gia đình, không muốn ảnh hưởng đến hai con”. Ngoài ra, tại phiên tòa hôm nay ông K cũng không có tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình. Do đó, không có căn cứ về việc bà P có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần cho ông K bà P thời gian để hàn gắn tình cảm vợ chồng nuôi dạy con chung nên căn cứ yêu cầu ly hôn của ông K là không có cơ sở để xem xét theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông K, giữ nguyên bản án sơ thẩm như lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là đúng với quy định của pháp luật.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn ông Lê Lư Đăng K phải chịu án phí sơ thẩm số tiền là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo ông Lê Lư Đăng K phải chịu án phí dân sự phúc thẩm số tiền là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, Khoản 1 Điều 148, Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 19, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Khoản 5, Khoản 6 Điều 27 và Khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 352/2019/HNGĐ-ST ngày 02 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, xử :

1. Không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Lê Lư Đăng K.

2. Án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Lư Đăng K phải chịu số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng mà ông K đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2018/0016734 ngày 12/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận A, thành phố Hồ Chí Minh. Ông K đã nộp đủ.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Lư Đăng K phải chịu số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng mà ông K đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2018/0017570 ngày 10/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông K đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Tp.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Tp.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp.HCM;
- Tòa án nhân dân quận A;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận A;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Phan Thị Minh Nguyệt

